

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN Đ Đ
TỈNH G L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST

Ngày: 14/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ - TỈNH G L**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên S

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu T
2. Ông Lê Văn D

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Q- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn K - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân Huyện Đ Đ - tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/HSST ngày 04/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HS ngày 23/6/2021 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Lê Văn A, sinh năm: 1979 tại G L. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Y, Huyện Đ Đ, tỉnh G L, Dã tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Công giáo, Học vấn: 8/12, Nghề nghiệp: Buôn bán, Con ông: Lê L (Chết), Con bà: Bùi Thị H (Chết). Gia đình bị cáo có 08 anh em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị Như K, sinh năm: 1981. Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 06/2/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1984 tại: H T. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Y, Huyện Đ Đ, tỉnh G L. Dã tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: Công giáo. Học vấn: 5/12, Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1957 và con bà: Trần Thị Đ, sinh năm 1957. Gia đình bị cáo có 07 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (đã ly hôn), bị cáo có 04 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án quã sự khu vực 1- Quã khu 5 xét xử 42 tháng tù giam về tội “Chiếm đoạt, tàng trữ, vận cHển trái phép vật liệu nổ” (Đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 06/2/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: Lưu Hồng A, sinh năm: 1980 tại Đ L, tên gọi khác: Không. Nơi Đăng ký HKTT: Tổ X, phường Y, thành phố P, tỉnh G L, Chỗ ở hiện nay: Thôn H R, xã Y, Huyện Đ Đ, tỉnh G L. Dã tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: Công giáo, Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Con ông: Lưu Văn T, sinh năm 1951.

Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1952. Gia đình bị cáo có 07 anh em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Vợ: Võ Thị Ngọc X, sinh năm 1980. Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 06/2/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ tư: Nguyễn Văn H, Sinh năm: 1973 tại: G L. Tên gọi khác: Không. Nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Y, Hện Đ Đ, tỉnh G L. Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Công giáo. Học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông: Nguyễn T, sinh năm 1931. Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1938. Gia đình bị cáo có 07 anh em, bị cáo là con thứ 06 trong gia đình. Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1979. Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 06/2/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 28/01/2021, Lê Văn A, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc T nhậu thịt chó tại quán Phụng Luyến thuộc Thôn X, xã Y, Hện Đ Đ, tỉnh G L. Trong lúc nhậu thì A rủ H, T nhậu xong thì đánh bạc với nhau. T và H đồng ý. Đến khoảng 11 giờ 30 thì Lê Văn A về trước còn T và H tiếp tục nhậu. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì H và T đến tiệm cơ khí Bảo A của Lê Văn A thuộc thôn H R, xã Y, Huyện Đ Đ, tỉnh G L thì thấy Lê Văn A và Lưu Hồng A đang ở xưởng. Cả 4 người tham gia đánh bài ăn tiền dưới hình thức đánh phỏm. Đến 14 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Đ Đ bắt quả tang.

Về hình thức đánh phỏm các bị cáo khai nhận như sau:

Mỗi người được chia 09 quân bài từ bộ bài tứ lơ khơ 52 lá, người nào đánh trước ván đầu tiên được chia thêm 01 quân bài (tổng cộng 10 quân bài), người có 10 quân bài đánh ra 01 quân bài về người đánh lượt kế tiếp, người kế tiếp có quyền “ăn” (lấy) hoặc không “ăn” quân bài của người đánh ra, nếu “ăn” quân bài thì phải tạo ra “phỏm” có quân bài đó. Trong ván bài khi có người “ù” hoặc “ù tròn” thì ván bài kết thúc. Nếu không có người “ù” hoặc “ù tròn” thì khi mỗi người chơi hết 03 lượt bài thì sẽ hạ bài so điểm xác định thắng thua.

Cách tính “Phỏm”: Trong các quân bài có 3 hoặc 4 quân bài cùng chất hoặc cùng loại thì được tính là một phỏm. cả 09 quân bài tạo thành phỏm nhưng không liên tiếp liền mạch thì là bài “ù”, cả 09 lá quân bài tạo thành phỏm liên tiếp liền mạch, không lê quẬ bài nào thì là bài “ù tròn”, nếu không có bài ù thì tính điểm bài để tính thắng, thua. Ai có điểm chưa đánh ít nhất là người thắng trong ván bài đó và được 03 người thua bạc chung tiền theo cách tính là thua nhất, thua nhì, thua ba. Nếu bài của ai không có “phỏm” thì tính là bài cháy.

Tỷ lệ ăn thua trong ván được thống nhất: Người bị “ăn” quân bài phải chung cho người “ăn” quân bài 50.000 đồng, nếu đánh ra quân bài ở lượt thứ 3 (lượt chốt hạ) mà bị “ăn” thì phải chung cho người “ăn” quân bài 200.000 đồng. Nếu có bài “ù” thì mỗi người phải chung cho người có bài “ù” số tiền 250.000 đồng, chung cho người có bài “ù tròn” 500.000 đồng. Nếu không có người “ù” hoặc “ù tròn” thì khi mỗi người chơi hết 03 lượt bài thì sẽ hạ bài so điểm xác định thắng thua. Theo cách tính điểm đã thỏa thuận

thì người thua nhất trong ván phải chung tiền cho người thắng 150.000 đồng. Người thua nhì trong ván phải chung tiền cho người thắng 100.000 đồng. Người thua ba trong ván phải chung tiền cho người thắng 50.000 đồng.

Số tiền các bị cáo sử dụng tham gia đánh bạc được xác định như sau:

Lê Văn A: Bỏ ra 3.500.000 đồng đánh bạc, quá trình đánh bạc có đóng tiền xâu 100.000 đồng, cho đến khi bị bắt quả tang thua bạc còn lại 2.500.000 đồng để dưới chiếu bạc. Số tiền 30.500.000 đồng trong ví da A khai báo là tiền để trả tiền hàng cơ khí, không dùng để đánh bạc.

Nguyễn Ngọc T: mang theo 3.350.000 đồng dùng để đánh bạc, có đóng tiền xâu 01 ván với số tiền 50.000 đồng. Đến khi bị bắt quả tang thì thua bạc còn 1.550.000 đồng để dưới chiếu bạc.

Lưu Hồng A: Mang theo 1.500.000 đồng đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang thì thắng bạc và đóng tiền xâu 04 ván 200.000 đồng; số tiền đánh bạc và thắng bạc còn lại A để dưới chiếu bạc là 2.600.000 đồng.

Nguyễn Văn H: Mang theo 2.200.000 đồng dùng để đánh bạc và lấy ra 1.200.000 đồng để trên chiếu bạc để làm tin đánh bạc, còn 1.000.000 đồng H cất trong người cũng để sử dụng vào việc đánh bạc. Đến khi Công an bắt quả tang H thắng bạc nên chưa dùng đến số tiền 1.000.000 đồng cất trong người, H đã đóng tiền xâu 01 ván với số tiền 50.000 đồng. Số tiền H đánh bạc và thắng bạc để dưới chiếu bạc là 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc tổng cộng là 10.550.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 29/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ Đ tỉnh G L đã truy tố các bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Ngọc T, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H về tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Lê Văn A từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Lưu Hồng A từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Nguyễn Văn H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Nguyễn Ngọc T từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt vào trại chấp hành án được khấu trừ thời hạn bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến ngày 06/02/2021

Về hình phạt bổ sung:

- Áp dụng: khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Ngọc T, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo 10.000.0000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Xử tịch thu và tiêu huỷ:

- 01 bộ bài Tú lơ khơ đã qua sử dụng
- 01 chiếc chăn loại chăn mỏng caro màu vàng, xanh, trắng (đã qua sử dụng);

- Xử tịch thu xung công quỹ nhà nước:

Số tiền 10.550.000 đồng (*Mười triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*);

01 điện thoại có số Emei 1: 358193102018414 và số Emei 2: 358194102018412

01 điện thoại có số Emei 1: 357744107490924 và số Emei 2: 357744107990923

Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

-Trả lại cho bị cáo Lê Văn A 01 ví da màu đen đã cũ, số tiền 30.500.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng cần tiếp tục bảo thủ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Ngọc T, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ Đ đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào ngày 28/01/2021, tại xưởng cơ khí Bảo A thuộc thôn H R, xã Y, Hện Đ Đ, tỉnh G L Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Đ Đ bắt quả tang 04 đối tượng gồm: Lê Văn A, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc T và Lưu Hồng A có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm. Số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc được xác định là: 10.550.000 đồng.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính nhà nước mà pháp luật hình sự bảo vệ, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.550.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ Đ đã truy tố đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra cũng xác định các bị cáo cùng thống nhất, trong 01 ván bài nếu ai có bài “ù” hoặc “ù tròn” thì phải bỏ tiền xâu là 50.000 đồng. Tiền xâu được dùng để

mua nước và thuốc sử dụng chung, không thu riêng cho cá nhân ai nên không có dấu hiệu của tội: “Tổ chức đánh bạc” là phù hợp.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ NhÃ ThÃ: Bị cáo Nguyễn Ngọc T sau khi chấp hành xong hình phạt về tội “Chiếm đoạt, tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ với mức án 42 tháng tù” về xã Y, Hện Đ Đ, tỉnh G L làm ăn, sinh sống cho tới ngày 28/01/2021 tiếp tục phạm tội mới.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Ngọc T, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Văn A, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Ngọc T, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính và duy nhất trong gia đình và đang nuôi con nhỏ. Bị cáo Lê Văn A hiện nay đau ốm bệnh tật bị thoái hóa cột sống, vôi hóa chỏm xương đùi trái nên dẫn đến việc đi lại rất khó khăn,. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ cÃ nhắc xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

Đây là vụ án có nhiều bị cáo nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công bàn bạc cụ thể rõ ràng nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo là bạn bè, anh em, bà con với nhau, sau khi nhậu xong các bị cáo rủ nhau cùng đánh bạc để nhậu tiếp.

Bị cáo Lê Văn A và Nguyễn Ngọc T có vai trò tích cực hơn, bị cáo Lê Văn A sử dụng số tiền đánh bạc là 3.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Ngọc T sử dụng số tiền đánh bạc là 3.350.000 đồng nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H tham gia trong vụ án với vai trò là đồng phạm. Tuy số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là khác nhau (bị cáo Lưu Hồng A sử dụng số tiền 1.500.00 đồng để đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn H sử dụng số tiền 2.200.000 đồng để đánh bạc) nên xử nhẹ hơn 2 bị cáo trên.

Trên cơ sở phân tích đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần phải xử mức án nghiêm theo qui định pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Lê Văn A, Lưu Hồng A và Nguyễn Văn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính và duy nhất trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, đau ốm bệnh tật có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y,

Hện Đ Đ, tỉnh G L. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân các bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho các bị cáo được cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Như vậy trường hợp các bị cáo thỏa mãn đầy đủ các điều kiện được quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và khoan hồng của nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án 42 tháng tù về tội “*chiếm đoạt, tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” đã được xóa án tích, sau khi chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục phạm tội, bị cáo đã sử dụng số tiền 3.350.000 đồng để tham gia đánh bạc, trong thời gian chấp hành bản án trước và về tại địa phương cư trú làm ăn, sinh sống bị cáo không tu dưỡng, rèn luyện, lấy đó làm bài học cho bản thân, tiếp tục phạm tội điều đó thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo T, bị cáo đã li hôn nhưng 04 người con chung được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và bị cáo không phải cấp dưỡng nuôi con. Do bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và có nhân thân xấu nên xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài ra cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự buộc các bị cáo phải nộp số tiền hình phạt bổ sung để sung công quỹ nhà nước.

[5] Về vật chứng:

- 01 bộ bài Tú lơ khơ đã qua sử dụng
- 01 chiếc chăn loại chăn mỏng caro màu vàng, xanh, trắng (đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động màu xanh đen (đã cũ), số Emei1: 358193102018418 và số Imei2: 358193102018412 và 01 điện thoại di động màu đen (đã cũ) có số Emei1: 357744107490924 và số Imei2: 357744107490923.
- 01 ví da màu đen đã cũ
- Tiền Việt nam đồng 41.050.000 đồng.

Trong đó số tiền thu giữ liên quan đến việc đánh bạc là 10.550.000 đồng, Số tiền thu giữ trên người bị cáo Lê Văn A không liên quan đến việc đánh bạc là 30.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với 01 bộ bài Tú lơ khơ đã qua sử dụng, 01 chiếc chăn loại chăn mỏng caro màu vàng, xanh, trắng. Đây là công cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc, không còn giá trị sử dụng bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại có số di động màu xanh đen (đã cũ), số Emei1: 358193102018418 và số Emei2: 358193102018412 và 01 điện thoại di động màu đen (đã cũ) có số Emei1: 357744107490924 và số Imei2: 357744107490923 các bị cáo Lê Văn A và Nguyễn Văn H sử dụng để gọi điện rủ nhau đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.550.000 đồng (*Mười triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) các bị cáo đã dùng để đánh bạc.

- Số tiền 30.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Văn A. Quá trình điều tra xác định số tiền này không liên quan đến việc phạm tội nên cần hoàn trả lại cho bị cáo nhưng do bị cáo bị áp dụng khoản 3 Điều 321 về hình phạt bổ sung nên cần bảo thủ để thi hành án.

- 01 ví da màu đen đã cũ thu giữ của bị cáo Lê Văn A không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Lê Văn A, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Ngọc T, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H phạm tội: “*Đánh bạc*”.

3. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T 15 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2021 đến 06/02/2021.

- Bị cáo Lê Văn A 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2021)

- Bị cáo Lưu Hồng A 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2021).

- Bị cáo Nguyễn Văn H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2021).

Giao các bị cáo Lê Văn A, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Y, Huyện Đ Đ, tỉnh G L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo Lê Văn A, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 3 điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung:

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Ngọc T, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

4. Về vật chứng:

- **Xử tịch thu và tiêu hủy:**

- 01 bộ bài Tú lơ khơ đã qua sử dụng.

- 01 chiếc chăn loại chăn mỏng caro màu vàng, xanh, trắng (đã qua sử dụng).

- **Xử tịch thu sung công quỹ nhà nước:**

- Số tiền 10.550.000 đồng (*Mười triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*).
- 01 điện thoại di động màu xanh đen (đã cũ), số Emei1: 358193102018418 và số Emei2: 358193102018412 (Chi cục không kiểm tra tình trạng máy bên trong) và 01 điện thoại di động màu đen (đã cũ) có số Emei1: 357744107490924 và số Imei2: 357744107490923 (Chi cục không kiểm tra tình trạng máy bên trong).

- Xử trả lại cho bị cáo Lê Văn A số tiền 30.500.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và 01 ví da màu đen (đã cũ) nhưng cần tiếp tục bảo thủ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an Huyện Đ Đ và chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Đ Đ).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Ngọc T, Lưu Hồng A, Nguyễn Văn H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2021), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- Sở tư pháp tỉnh G L;
- Cơ quan CSĐT Công an Huyện Đ Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ Đ;
- VKSND Huyện Đ Đ;
- THADS;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Án Văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến S